

Số: **7489** /QĐ-UBND

Hà Nội, ngày **31** tháng **12** năm **2019**

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường
của Dự án: “Cải tạo, nâng cấp, bổ sung các công trình bảo vệ môi trường
cho Trạm sản xuất nước Đồn Thủy”**

**Địa điểm: tại 8C, đường Đinh Công Tráng, phường Phan Chu Trinh,
quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ Quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của cơ quan thường trực thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Cải tạo, nâng cấp, bổ sung các công trình bảo vệ môi trường cho Trạm sản xuất nước Đồn Thủy” địa chỉ tại 8C, đường Đinh Công Tráng, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội tại Thông báo số 787/TB-CCBVM-TM ngày 08/11/2019 của Chi cục Bảo vệ môi trường Hà Nội về kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án kèm theo Biên bản họp hội đồng thẩm định ngày 08/11/2019;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Cải tạo, nâng cấp, bổ sung các công trình bảo vệ môi trường cho Trạm sản xuất nước Đồn Thủy” đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 474/NS3 ngày 25/12/2019 của Công ty cổ phần Sản xuất kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tại Tờ trình số 12470/TTr- STNMT-CCBVM ngày 30/12/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Cải tạo, nâng cấp, bổ sung các công trình bảo vệ môi trường cho Trạm sản xuất nước Đồn Thủy” của Công ty cổ phần Sản xuất kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại 8C, đường Đinh Công Tráng, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Handwritten signature

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Giao Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội thực hiện việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt của Chủ dự án; Kiểm tra, giám sát các nội dung thay đổi về các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, chương trình giám sát môi trường và các nội dung khác trong quá trình thực hiện Dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. / .*huy*

Nơi nhận:

- Công ty CP SXKD nước sạch số 3 Hà Nội;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- Chủ tịch UBND Thành phố (để b/c);
- PCT UBND TP Nguyễn Thế Hùng;
- VPUBTP: PCVP Phạm Văn Chiến, các phòng: TH, ĐT, TKBT;
- Chi cục Bảo vệ môi trường Hà Nội;
- Chủ tịch UBND quận Hoàn Kiếm;
- Chủ tịch UBND phường Phan Chu Trinh;
- Lưu: VT, ĐT_{Tr.}

MSHS: 58575.CCMT

LB *15*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thế Hùng

Phụ lục

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN “Cải tạo, nâng cấp, bổ sung các công trình bảo vệ môi trường cho Trạm sản xuất nước Đồn Thủy”

(Kèm theo Quyết định số 3489/... ngày 31... tháng 12... năm 2019
của UBND thành phố Hà Nội)

1. Thông tin chung về Dự án

1.1 Tên dự án: “Cải tạo, nâng cấp, bổ sung các công trình bảo vệ môi trường cho Trạm sản xuất nước Đồn Thủy”.

- Địa điểm thực hiện: số 8C, đường Đinh Công Tráng, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

- Vị trí địa lý của Dự án:

+ Phía Tây và phía Bắc giáp khu dân cư phường Phan Chu Trinh.

+ Phía Đông giáp Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng Việt Nam.

+ Phía Nam giáp đường Đinh Công Tráng.

1.2 Chủ đầu tư dự án: Công ty cổ phần Sản xuất kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội.

- Địa chỉ liên hệ: số 8C, đường Đinh Công Tráng, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

- Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Công ty cổ phần Sản xuất kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội.

- Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường: UBND thành phố Hà Nội.

1.3 Quy mô dự án:

* Trạm sản xuất nước Đồn Thủy có diện tích đất là 2.666,3 m², gồm 04 giếng khoan, tầng chứa nước khai thác: Pleistocen dưới (qp₁); chế độ khai thác 365 ngày/năm; với tổng lưu lượng khai thác 9.200 m³/ngày đêm:

- Giếng ĐTH6 có tọa độ (VN 2000, múi chiếu 6⁰) X589102 : Y 2324728; lưu lượng 2.100 m³/ngày đêm; chế độ khai thác 24 giờ/ngày; chiều sâu đặt ống lọc từ 50-70m; chiều sâu mực nước động lớn nhất cho phép 35 m.

- Giếng ĐTH7 có tọa độ (VN 2000, múi chiếu 6⁰) X 589156 : Y 2324668; lưu lượng 2.700 m³/ngày đêm; chiều sâu đặt ống lọc từ 46-70m; chiều sâu mực nước tĩnh 15,7 m; chiều sâu mực nước động lớn nhất cho phép 35 m..

- Giếng ĐTH8 có tọa độ (VN 2000, múi chiếu 6⁰) X 589299 : Y 2324551.; lưu lượng 1.100 m³/ngày đêm; chiều sâu đặt ống lọc từ 50-70m; chiều sâu mực nước động lớn nhất cho phép 35 m.

- Giếng ĐTH8 có tọa độ (VN 2000, múi chiếu 6⁰) X 588953 : Y 2324472; lưu lượng 3.300 m³/ngày đêm; chiều sâu đặt ống lọc từ 50-73m; chiều sâu mực nước động lớn nhất cho phép 35 m.

- * Thực hiện cải tạo, nâng cấp, bổ sung các công trình bảo vệ môi trường:
 - Xây dựng trạm xử lý nước thải rửa lọc công suất 200 m³/ngày đêm.
 - Cải tạo một nửa kho chứa dụng cụ thành kho lưu giữ chất thải nguy hại.

(Quy mô dự án tuân thủ theo Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 3125/GP-BTNMT ngày 15/10/2018; Quyết định số 242/NS3 ngày 12/06/2019 của Công ty cổ phần Sản xuất kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội về việc phê duyệt Dự án Cải tạo, nâng cấp, bổ sung các công trình bảo vệ môi trường cho Trạm sản xuất nước Đồn Thủy và Thuyết minh lập dự án đầu tư).

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án.

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án

2.1.1. Giai đoạn triển khai cải tạo, nâng cấp, bổ sung.

- Nguồn gây tác động có liên quan đến chất thải:
 + Nguồn gây ô nhiễm môi trường không khí: Do bụi và khí thải phát sinh từ quá trình đào đất để xây dựng hệ thống xử lý nước thải; từ vận chuyển đồ thải; từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ thi công; từ hoạt động của máy móc, thiết bị thi công.

+ Nguồn gây ô nhiễm môi trường nước: Nước thải sinh hoạt của công nhân xây dựng và cán bộ, công nhân viên hiện có của Trạm sản xuất nước Đồn Thủy, nước thải rửa lọc từ hoạt động rửa lọc; nước thải phát sinh từ hoạt động thi công, nước mưa chảy tràn.

+ Ô nhiễm môi trường do chất thải rắn sinh hoạt, phế thải xây dựng và chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình hoạt động sinh hoạt của công nhân xây dựng, quá trình cải tạo, nâng cấp, bổ sung hệ thống xử lý nước thải, kho lưu giữ chất thải nguy hại; từ hoạt động hiện tại của Trạm sản xuất nước Đồn Thủy.

- Nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải: Tiếng ồn, độ rung, nhiệt từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc thi công, từ hoạt động của Trạm sản xuất nước Đồn Thủy.

- Các đối tượng bị tác động:

+ Môi trường đất, chất lượng nước ngầm, môi trường không khí, môi trường nước, cảnh quan xung quanh khu vực Dự án.

+ Giao thông: Ảnh hưởng đến giao thông tại các tuyến đường nơi phương tiện vận chuyển đi qua, đặc biệt là xung quanh khu vực thực hiện Dự án như tuyến đường Đinh Công Tráng, Trần Khánh Dư,...

+ Môi trường kinh tế - xã hội: Tác động đến các hộ dân sống xung quanh dự án.

+ Tác động đến hoạt động hiện tại của Trạm sản xuất nước Đồn Thủy.

2.1.2. Giai đoạn vận hành dự án.

- Nguồn gây tác động có liên quan đến chất thải

+ Nguồn gây ô nhiễm môi trường nước: Do nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt ước tính trung bình khoảng 1,25 m³/ngày đêm và hoạt động rửa lọc của Trạm sản xuất nước Đồn Thủy ước tính trung bình khoảng 180 m³/ngày

đêm; Nước mưa chảy tràn.

+ Nguồn gây ô nhiễm môi trường không khí: Do bụi và khí thải phát sinh từ phương tiện giao thông, hoạt động của hệ thống điều hòa nhiệt độ; mùi từ các kho lưu giữ chất thải.

+ Ô nhiễm môi trường do chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, cát thạch anh thải từ bể lọc nhanh bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải.

- Nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải:

+ Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của máy bơm.

+ Tác động đến môi trường kinh tế - xã hội.

- Các đối tượng bị tác động

+ Môi trường nước, chất lượng nước ngầm, môi trường đất.

+ Môi trường không khí tại khu vực dự án.

+ Môi trường kinh tế - xã hội: Các hộ dân sinh sống xung quanh, đường giao thông khu vực, hệ thống thoát nước,...

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải.

2.2.1. Giai đoạn triển khai cải tạo, nâng cấp, bổ sung:

- Tại công trường triển khai cải tạo, nâng cấp, bổ sung: Nước thải sinh hoạt của công nhân: Với 05 công nhân sẽ phát sinh khoảng $0,23\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm. Nước thải sinh hoạt chứa các thành phần như chất rắn lơ lửng, BOD_5 , Amoni, Phosphat, Clorua, chất hoạt động bề mặt,...

- Hoạt động hiện tại của Trạm cấp nước Đồn Thủy:

+ Nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên Trạm sản xuất nước Đồn Thủy: Phát sinh khoảng $1,25\text{ m}^3/\text{ngày}$ đêm, với thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, BOD_5 , Amoni, Phosphat, Chất hoạt động bề mặt,...

+ Nước thải phát sinh từ hoạt động sản xuất là nước thải rửa lọc Phát sinh trung bình khoảng $180\text{ m}^3/\text{ngày}$ đêm, với thành phần chủ yếu TSS, Sắt, Mangan, Clorua, COD, BOD_5 , Sunfua, Amoni, Asen,...

- Nước mưa chảy tràn: Nước mưa chảy tràn trên khu vực Dự án kéo theo các chất thải rắn trên bề mặt chảy vào hệ thống thoát nước xung quanh khu vực. Tuy nhiên, mặt bằng của cơ sở phần lớn đều được bê tông hóa và thường xuyên quét dọn sạch sẽ, các loại chất thải phát sinh đều được thu gom và lưu chứa trong kho có mái che. Do vậy, thành phần ô nhiễm trong nước mưa thực tế không cao.

2.2.2. Giai đoạn vận hành dự án:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng $1,25\text{ m}^3/\text{ngày}$ đêm, với thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, BOD_5 , Amoni, Phosphat, Chất hoạt động bề mặt,...

- Nước thải rửa lọc phát sinh từ hoạt động sản xuất nước khoảng $180\text{ m}^3/\text{ngày}$ đêm, thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, sắt, Mangan, Clorua,....

- Nước mưa chảy tràn: Nước mưa chảy tràn trên khu vực Dự án kéo theo các chất thải rắn trên bề mặt chảy vào hệ thống thoát nước xung quanh khu vực. Tuy nhiên, mặt bằng của cơ sở phần lớn đều được bê tông hóa và thường xuyên quét dọn sạch sẽ, các loại chất thải phát sinh đều được thu gom và lưu chứa trong

kho có mái che. Do vậy, thành phần ô nhiễm trong nước mưa thực tế không cao.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

2.3.1. Giai đoạn triển khai cải tạo, nâng cấp, bổ sung:

- Do hoạt động cải tạo, nâng cấp, bổ sung:

+ Bụi phát sinh từ quá trình đào đất để xây dựng hệ thống xử lý nước thải.

+ Bụi và khí thải CO, SO₂, NO_x phát sinh từ hoạt động đổ thải; vận chuyển nguyên, vật liệu phục vụ thi công và hoạt động máy móc thi công.

Tuy nhiên, thời gian tiến hành cải tạo, nâng cấp, bổ sung là 1 tháng, khối lượng cải tạo, nâng cấp bổ sung nhỏ nên tác động của bụi và khí thải chỉ mang tính cục bộ và tác động không đáng kể.

- Hoạt động của Trạm sản xuất nước Đồn Thủy:

+ Khí thải từ hoạt động giao thông chủ yếu là các khí CO, NO_x, SO₂... Tải lượng phát thải các khí không đáng kể, không ảnh hưởng nhiều đến chất lượng môi trường.

+ Dàn nóng máy điều hòa sẽ làm nhiệt độ không khí tăng cao, gây ô nhiễm nhiệt. Tải lượng phát thải thay đổi theo nhu cầu sử dụng thực tế do hoạt động của Dự án.

+ Mùi và khí thải từ khu vực tập chung chất thải. Nồng độ các chất ô nhiễm biến đổi theo thời gian, khối lượng chất thải phát sinh thực tế.

2.3.2. Giai đoạn vận hành dự án

- Khí thải từ hoạt động giao thông chủ yếu là các khí CO, NO_x, SO₂... Tải lượng phát thải các khí không đáng kể, không ảnh hưởng nhiều đến chất lượng môi trường.

- Dàn nóng máy điều hòa sẽ làm nhiệt độ không khí tăng cao, gây ô nhiễm nhiệt. Tải lượng phát thải thay đổi theo nhu cầu sử dụng thực tế do hoạt động của Dự án.

- Mùi và khí thải từ khu vực tập chung chất thải. Nồng độ các chất ô nhiễm biến đổi theo thời gian, khối lượng chất thải phát sinh thực tế.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.4.1. Giai đoạn triển khai cải tạo, nâng cấp, bổ sung:

- Chất thải rắn phát sinh trong quá trình đào đất và thi công phát sinh khoảng 63,5 tấn, chủ yếu gồm đất, gạch...

- Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động của 05 công nhân trên công trường và 50 cán bộ công nhân viên đang hoạt động tại Trạm sản xuất nước Đồn Thủy ước tính khối lượng rác thải sinh hoạt thải ra khoảng 27,5 kg/ngày (bình quân mỗi người thải ra 0,5kg rác/ngày). Thành phần gồm các chất hữu cơ dễ phân hủy, bao gói nilon, vỏ chai nhựa, đồ hộp,...

- Do quá trình cải tạo, nâng cấp, bổ sung diễn ra trong thời gian ngắn là 01 tháng, trong thời gian cải tạo, nâng cấp Chủ dự án chưa đến kỳ thay cát thạch anh từ bể lọc nên không phát sinh.

2.4.2. Giai đoạn vận hành dự án:

- Chất thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ công nhân viên của Dự án. Rác thải này chủ yếu bao gồm chất hữu cơ: rau, củ, quả, thức ăn thừa và chất vô cơ như: nilon, giấy, hộp cơm,... khoảng 25 kg/ngày.

- Cát thạch anh từ bể lọc nhanh: Định kỳ 01 năm/lần, Chủ dự án tiến hành thay thế và bổ sung 05 tấn thạch anh tại bể lọc nhanh của Dự án.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại.

2.5.1. Giai đoạn triển khai cải tạo, nâng cấp, bổ sung:

- Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động cải tạo, xây dựng: Khối lượng phát sinh không đáng kể, dự kiến khoảng 5 kg/tháng; chủ yếu là giẻ lau dính dầu.

- Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động hiện tại của Trạm sản xuất nước Đồn Thủy: CTNH phát sinh từ hoạt động của Dự án bao gồm: Găng tay, giẻ lau nhiễm các thành phần nguy hại; bao bì cứng bằng nhựa dính hóa chất; bóng đèn huỳnh quang thải; hộp mực in. Khối lượng trung bình khoảng 10 kg/ngày.

2.5.2. Giai đoạn vận hành dự án:

CTNH phát sinh từ hoạt động của Dự án bao gồm: Găng tay, giẻ lau nhiễm các thành phần nguy hại; bao bì cứng bằng nhựa dính hóa chất; bóng đèn huỳnh quang thải; hộp mực in; ngoài ra còn phát sinh bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án:

3.1. Thu gom và xử lý nước thải

3.1.1. Giai đoạn triển khai cải tạo, nâng cấp, bổ sung:

- Nước thải sinh hoạt của công nhân được thu gom và xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn có sẵn tại khu nhà văn phòng A2 của cơ sở với dung tích 4,5 m³. Nước thải sau bể tự hoại chảy theo rãnh thoát nước có kích thước rộng x sâu là 0,5 x 0,5 m. Tại vị trí cuối rãnh thoát nước có bố trí 4 ngăn lắng kích thước rộng x sâu là 0,5 x 0,25 m để lắng cặn bẩn. Cơ sở bố trí đặt viên khử trùng Clorine (2kg/ngày) tại hố lắng khử trùng. Sau đó, nước thải chảy vào hệ thống thoát nước chung của khu vực trên đường Đình Công Tráng. Định kỳ bổ sung chế phẩm vi sinh Biotech để gia tăng hiệu quả xử lý nước thải (tần suất bổ sung 30 ngày/lần).

- Nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên của Trạm sản xuất nước Đồn Thủy: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động hiện tại của Trạm sản xuất nước Đồn Thủy được thu gom về 02 bể tự hoại 3 ngăn tại khu văn phòng A1 và khu văn phòng A2 (thể tích mỗi bể là 4,5 m³), định kỳ 30 ngày/lần bổ sung chế phẩm vi sinh Biotech vào các bể tự hoại để gia tăng hiệu quả xử lý nước thải. Nước thải sau bể tự hoại khu văn phòng A1 và khu văn phòng A2 sẽ tự chảy vào rãnh thoát nước (kích thước rộng x sâu là 0,5 x 0,5 m); tại vị trí cuối rãnh thoát nước này có bố trí 4 ngăn lắng kích thước rộng x sâu là 0,5 x 0,3 m để lắng cặn bẩn; Chủ dự án tiến hành đặt viên khử trùng Clorine (2kg/ngày) tại hố

lắng khử trùng. Sau đó, nước thải chảy vào hệ thống thoát nước chung của khu vực trên đường Đinh Công Tráng.

- Nước mưa chảy tràn: Nước mưa chảy tràn được thu gom vào rãnh thoát nước trên mặt bằng. Rãnh thoát nước được xây dựng BTCT bố trí bao quanh công trình với chiều rộng 50cm, chiều sâu 50cm có bố trí 4 hố ga lắng (kích thước: 0,8 x 0,6 x 0,8 m), khoảng cách giữa các hố từ 10-15m. Hệ thống cống thoát nước mưa có bố trí các nắp đậy để tránh rác rơi vào. Toàn bộ nước mưa của cơ sở được thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực trên đường Đinh Công Tráng qua 1 vị trí gần công bảo vệ. Định kỳ 30 ngày/lần thực hiện nạo vét hệ thống thu gom nước mưa.

3.1.2. Giai đoạn vận hành dự án.

- Nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động hiện tại của Trạm sản xuất nước Đồn Thủy được thu gom về 02 bể tự hoại 3 ngăn tại khu văn phòng A1 và khu văn phòng A2 (thể tích mỗi bể là 4,5 m³), định kỳ 30 ngày/lần bổ sung chế phẩm vi sinh Biotech vào các bể tự hoại để gia tăng hiệu quả xử lý nước thải. Nước thải sau bể tự hoại khu văn phòng A1 và khu văn phòng A2 sẽ tự chảy vào rãnh thoát nước (kích thước rộng x sâu là 0,5 x 0,5 m); tại vị trí cuối rãnh thoát nước này có bố trí 4 ngăn lắng kích thước rộng x sâu là 0,5 x 0,3 m để lắng cặn bẩn; Chủ dự án tiến hành đặt viên khử trùng Clorine (2kg/ngày) tại hố lắng khử trùng. Sau đó, nước thải chảy vào hệ thống thoát nước chung của khu vực trên đường Đinh Công Tráng.

- Nước thải từ hoạt động rửa lọc được thu gom và xử lý bằng hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế 200m³/ngày đêm, công nghệ hóa lý đặt tại vị trí xây dựng gần khu vực bể lọc nước ngầm của dự án (phía Bắc của dự án, phía sau đài nước cũ). Nước thải rửa lọc được xử lý đạt QCTĐHN 02:2014/BTNMT (cột B) Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn Thủ đô.

- Nước mưa: Nước mưa chảy tràn được thu gom vào rãnh thoát nước trên mặt bằng. Rãnh thoát nước được xây dựng BTCT bố trí bao quanh công trình với chiều rộng 50cm, chiều sâu 50cm có bố trí 4 hố ga lắng (kích thước: 0,8 x 0,6 x 0,8 m), khoảng cách giữa các hố từ 10-15m. Hệ thống cống thoát nước mưa có bố trí các nắp đậy để tránh rác rơi vào. Toàn bộ nước mưa của cơ sở được thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực trên đường Đinh Công Tráng qua 1 vị trí gần công bảo vệ. Rãnh thoát nước và hố ga thu nước mưa thường xuyên được nạo vét, thu dọn để tránh bị ứ đọng lại gây mất vệ sinh, ngập, lụt cục bộ. Tần suất 3 tháng/lần vào mùa khô và 1 tháng/lần vào mùa mưa.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải.

3.2.1. Giai đoạn triển khai xây cải tạo, bổ sung, nâng cấp:

- Đối với khu vực thi công: Thường xuyên vệ sinh quét dọn khu vực sân đường nội bộ hàng ngày. Phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, đồ thải chở đúng tải trọng xe, xe phải được phủ bạt, che chắn kín, thời gian vận chuyển tuân thủ đúng quy định của thành phố Hà Nội, tránh giờ sinh hoạt cao điểm của nhân dân. Bãi tập kết nguyên vật liệu, chất thải xây dựng được bố trí

tại sân trước khu văn phòng A2 của cơ sở, được phủ bạt kín tránh hao hụt vật liệu và phát tán bụi,...

- Đối với hoạt động của Trạm sản xuất nước Đồn Thủy: Vệ sinh khu vực sân đường nội bộ hàng ngày; các phương tiện ra vào khu vực dự án theo đúng quy định; các phương tiện vận chuyển nguyên, vật liệu thường xuyên được kiểm tra, bảo dưỡng; khu vực tập kết chất thải rắn được bố trí thông thoáng, thường xuyên quét dọn, vệ sinh, thu gom đúng quy định,...

3.2.2. Giai đoạn vận hành dự án.

Vệ sinh khu vực sân đường nội bộ hàng ngày; các phương tiện ra vào khu vực dự án theo đúng quy định; các phương tiện vận chuyển nguyên, vật liệu thường xuyên được kiểm tra, bảo dưỡng; khu vực tập kết chất thải rắn được bố trí thông thoáng, thường xuyên quét dọn, vệ sinh, thu gom đúng quy định,...

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường.

3.3.1. Giai đoạn triển khai cải tạo, nâng cấp, bổ sung:

- Đối với hoạt động cải tạo, nâng cấp, bổ sung:

+ Bố trí xe đẩy có dung tích $1m^3$ tập kết tại khu vực sân khu nhà văn phòng A2 gần cổng ra vào để lưu giữ chất thải rắn xây dựng. Chủ dự án thực hiện ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo quy định.

+ Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân: Bố trí 02 thùng dung tích 20 lít có nắp đậy. Hàng ngày, công nhân sẽ đổ rác lên xe rác theo quy định do đơn vị vệ sinh môi trường thu gom. Chủ dự án đã ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt số 1153/HĐKT ngày 02/01/2019 giữa Công ty cổ phần Sản xuất kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội với Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Hà Nội – Chi nhánh Hoàn Kiếm.

- Đối với hoạt động của Trạm sản xuất nước Đồn Thủy:

+ Đã bố trí 20 thùng rác dung tích 20 lít tại khu văn phòng và khu vực sản xuất nước. Định kỳ hàng ngày sau giờ hành chính, nhân viên vệ sinh của cơ sở sẽ tiến hành thu gom về bãi tập kết rác thải trên đường Đinh Công Tráng để đơn vị thu gom rác thải thu gom và vận chuyển. Chủ dự án đã ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt số 1153/HĐKT ngày 02/01/2019 giữa Công ty cổ phần Sản xuất kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội với Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Hà Nội – Chi nhánh Hoàn Kiếm.

+ Cát thạch anh thải: Chủ dự án đã ký hợp đồng nguyên tắc số 09.04.2019/HĐNT-NS3 ngày 09/04/2019 với Công ty cổ phần Xử lý tái chế chất thải công nghiệp Hòa Bình để thu gom, vận chuyển cát thạch anh thải từ các bể lọc đi xử lý theo đúng quy định.

3.3.2. Giai đoạn vận hành dự án.

- Đã bố trí 20 thùng rác dung tích 20 lít tại khu văn phòng và khu vực sản xuất nước. Định kỳ hàng ngày sau giờ hành chính, nhân viên vệ sinh của cơ sở

sẽ tiến hành thu gom về bãi tập kết rác thải trên đường Đinh Công Tráng để đơn vị thu gom rác thải thu gom và vận chuyển. Chủ dự án đã ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt số 1153/HĐKT ngày 02/01/2019 giữa Công ty cổ phần Sản xuất kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội với Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Hà Nội – Chi nhánh Hoàn Kiếm.

- Cát thạch anh thải: Chủ dự án đã ký hợp đồng nguyên tắc số 09.04.2019/HĐNT-NS3 ngày 09/04/2019 với Công ty cổ phần Xử lý tái chế chất thải công nghiệp Hòa Bình để thu gom, vận chuyển cát thạch anh thải từ các bể lọc đi xử lý theo đúng quy định.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

3.4.1. Giai đoạn triển khai cải tạo, nâng cấp, bổ sung:

Do dự án sẽ tiến hành cải tạo kho lưu giữ CTNH trước nên trong giai đoạn này Chủ dự án sẽ thực hiện phân loại CTNH; bố trí 01 nhà kho lưu giữ tạm thời CTNH có diện tích 4m² cách kho chứa dụng cụ và 05 thùng dung tích 120 lít, có nắp đậy kín, dán nhãn cảnh báo chất thải nguy hại theo đúng quy định tại TCVN 6707-2009 và thực hiện quản lý theo Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015, Chủ dự án đã ký hợp đồng thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý số 08.01.2019/HĐCNK ngày 08/01/2019 với Công ty cổ phần Xử lý tái chế chất thải công nghiệp Hòa Bình (Công ty cổ phần Xử lý tái chế chất thải công nghiệp Hòa Bình đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp giấy phép xử lý chất thải nguy hại mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.014.VX (cấp lần 4) ngày 10/4/2019.

3.4.2. Giai đoạn vận hành dự án.

Thực hiện phân loại CTNH; bố trí 01 nhà kho lưu giữ tạm thời CTNH có diện tích 4m² cách kho chứa dụng cụ và 04 thùng composit dung tích 120 lít/thùng, thực hiện dán nhãn và biển cảnh báo theo TCVN 6707-2009 và thực hiện quản lý theo Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015. Chủ dự án đã ký hợp đồng thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý số 08.01.2019/HĐCNK ngày 08/01/2019 với Công ty cổ phần Xử lý tái chế chất thải công nghiệp Hòa Bình (Công ty cổ phần Xử lý tái chế chất thải công nghiệp Hòa Bình đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp giấy phép xử lý chất thải nguy hại mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.014.VX (cấp lần 4) ngày 10/4/2019.

Đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước thải rửa lọc: Chủ dự án thực hiện ký hợp đồng thuê đơn vị được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc theo quy định. Kết quả phân tích sẽ được so sánh với QCVN 50:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước. Nếu một trong các thông số phân tích vượt quy định của quy chuẩn thì chủ dự án sẽ tiến hành xử lý bùn thải như CTNH và thực hiện theo quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và ký hợp đồng với đơn vị có đủ năng lực thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH theo đúng quy định.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác.

3.5.1. Giai đoạn triển khai cải tạo, nâng cấp, bổ sung:

- Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn và rung động: Sử dụng các máy móc, thiết bị vận chuyển đạt tiêu chuẩn, định kỳ bảo dưỡng máy móc thiết bị, không sử dụng thiết bị quá cũ phát sinh tiếng ồn, độ rung lớn; thời gian thi công hợp lý tránh giờ nghỉ ngơi của người dân; bố trí các phương tiện thi công và vận chuyển thích hợp để giảm thiểu tiếng ồn và độ rung phát ra đồng thời; trang bị các thiết bị chống ồn và hạn chế ồn như mũ bảo hiểm, chụp tai cho công nhân,...

3.5.2. Giai đoạn vận hành dự án

- Chủ dự án sẽ thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn và rung động như sau: Khu vực sản xuất nước: các máy bơm nước được sử dụng theo đúng công suất thiết kế, đặt trong phòng riêng. Máy móc được đặt trên các bệ đỡ cân bằng để đảm bảo không bị nghiêng trong quá trình vận hành. Định kỳ hàng ngày, cán bộ nhân viên của cơ sở kiểm tra, theo dõi, phát hiện hỏng hóc để kịp thời sửa chữa, bảo dưỡng, thay thế khi cần thiết. Đối với tiếng ồn do hệ thống điều hòa không khí: Định kỳ hàng năm thuê đơn vị tiến hành vệ sinh, bảo dưỡng các máy điều hòa.

- Giảm thiểu tác động việc khai thác nước ngầm của cơ sở đến chất lượng nước ngầm và nền địa chất của khu vực: Giám sát chặt chẽ hoạt động khai thác nước tại các giếng, cụ thể: Không khai thác vượt quá lưu lượng được cấp phép, thực hiện duy trì việc quan trắc lưu lượng, chất lượng nước các giếng khai thác, mực nước các giếng khai thác và quan trắc theo đúng quy định tại Thông tư 47/2017/TT-BTNMT về giám sát hoạt động khai thác sử dụng nước. Trường hợp xảy ra sự cố suy giảm trữ lượng, chất lượng nguồn nước hoặc sụt lún đất, Công ty sẽ ngừng ngay việc khai thác, báo cáo cơ quan chức năng để phối hợp xử lý.

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường.

3.6.1. Giai đoạn triển khai cải tạo, nâng cấp, bổ sung:

- An toàn lao động: Cấm biển báo hiệu cho xe ra vào công trường; Có cán bộ thường xuyên kiểm tra an toàn lao động; Trang bị đầy đủ các trang phục cần thiết về an toàn lao động.

- Phòng chống cháy nổ:

Thực hiện chế độ bảo quản vật tư, thiết bị đúng quy định; Xây dựng và ban hành nội quy phòng cháy chữa cháy; Trang bị các phương tiện chữa cháy: Bình bột, bình CO₂; Tuyên truyền, tập huấn phòng chống cháy nổ;...

3.6.2. Giai đoạn vận hành dự án:

- Biện pháp PCCC hiện tại giai đoạn hoạt động: Đã lắp đặt hệ thống chống sét; bố trí các bể chứa nước, đường ống, các van cấp nước, bình chữa cháy, hệ thống báo cháy, hệ thống chữa cháy. Hàng năm, tại công ty định kỳ kiểm tra hoạt động của các thiết bị PCCC, định kỳ tổ chức diễn tập PCCC để phòng ngừa và ứng phó các sự cố có khả năng xảy ra. Trong thời gian tới, Chủ dự án tiếp tục thực hiện các kế hoạch, biện pháp đề ra. Tuyên truyền, nâng cao ý thức của công nhân trong công tác PCCC.

- Phòng ngừa và ứng phó sự cố của hệ thống xử lý nước thải: Được kiểm tra và điều chỉnh chế độ làm việc phù hợp. Bố trí cán bộ chuyên môn vận hành trạm xử lý nước thải và vận hành theo đúng hướng dẫn của đơn vị thiết kế. Khi sự cố xảy ra lập tức kiểm tra nguyên nhân, báo đơn vị lắp đặt để sửa chữa thay thế thiết bị trong thời gian sớm nhất; Chủ dự án sẽ sử dụng các xe bồn dung tích 15-20 m³ của Trạm sản xuất nước Đồn Thủy để hút toàn bộ lượng nước thải trong các bể xử lý và lưu tạm thời trong bồn chứa của xe trong thời gian chờ sửa chữa hệ thống xử lý nước thải rửa lọc.

- Phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất: Lập nội quy công nhân, thường xuyên tuyên truyền, hướng dẫn công nhân làm việc trong quá trình lưu trữ và sử dụng hóa chất. Lưu trữ các thiết bị chứa hóa chất tại kho riêng, thông thoáng, tránh tiếp xúc trực tiếp với ánh sáng mặt trời và có biển báo ghi đầy đủ thông tin. Định kỳ hàng năm tổ chức tập huấn ứng phó sự cố hóa chất cho tất cả cán bộ nhân viên trong cơ sở. Phối hợp với chính quyền địa phương và các đơn vị có chức năng xử lý như Bình chủng Hóa học, Công ty SOS môi trường xử lý các sự cố khi xảy ra,...

- Phòng ngừa và ứng phó với sự cố của trạm sản xuất nước Đồn Thủy: Thường xuyên duy trì, vận hành trạm sản xuất nước theo đúng thiết kế. Bảo dưỡng, kiểm tra, phát hiện các máy móc hỏng hóc để kịp thời sửa chữa, thay thế. Thường xuyên kiểm tra chất lượng nước sạch cấp cho người dân sử dụng theo hướng dẫn tại thông tư 41/2018/TT-BYT về Ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ngày 14/12/2018 của Bộ Y tế và QCVN 01-1:2018/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. Tiến hành đền bù các thiệt hại về sức khỏe và kinh tế của người dân trong trường hợp nguồn nước cấp không đạt quy chuẩn của Bộ Y tế theo đúng các quy định của pháp luật.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án:

- Trạm xử lý nước thải rửa lọc công suất thiết là 200m³/ngày.đêm công nghệ hóa lý. Nước thải sau xử lý đạt QCTĐHN 02:2014/BTNMT (cột B) Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn Thủ đô trước khi xả thải ra môi trường.

- Hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

- Kho lưu giữ chất thải nguy hại chất thải nguy hại 6m².

5. Chương trình quản lý, giám sát môi trường

5.1 Giai đoạn triển khai cải tạo, nâng cấp, bổ sung:

- Giám sát môi trường nước thải sinh hoạt: 01 điểm sau khi được xử lý trước khi xả thải vào hệ thống thoát nước của khu vực. Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt. Thông số giám sát: Lưu lượng, pH, BOD₅(20⁰C), Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Tổng chất rắn hòa tan, Sunfua (tính H₂S), Amoni (tính theo N),

Nitrat, Dầu mỡ động thực vật, Tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat, Tổng Coliforms. Tần suất: 01 tháng/01 lần.

- Giám sát chất thải rắn: Giám sát khối lượng chất thải rắn phát sinh, phải phân loại, phân định các loại chất thải rắn phát sinh để quản lý theo quy định. Tần suất giám sát: 1 lần/ngày.

5.2 Giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành thử nghiệm:

- Giám sát môi trường nước thải sinh hoạt: 02 điểm sau khi được xử lý sơ bộ bằng bể phốt của khu văn phòng A1 và khu văn phòng A2 (trước khi xả vào rãnh thu gom nước thải) và 01 điểm trước khi đầu nối về hệ thống thoát nước của khu vực trên đường Đinh Công Tráng (sau hố lắng khử trùng). Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt. Thông số giám sát: Lưu lượng, pH, BOD₅(20⁰C), Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Tổng chất rắn hòa tan, Sunfua (tính H₂S), Amoni (tính theo N), Nitrat, Dầu mỡ động thực vật, Tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat, Tổng Coliforms. Tần suất: 03 tháng/01 lần.

- Giám sát nước thải rửa lọc: Giám sát nước thải 01 điểm trước xử lý và 01 điểm sau xử lý của Trạm xử lý nước thải rửa lọc trước khi xả thải vào hệ thống thoát nước của khu vực trên đường Đinh Công Tráng. Quy chuẩn so sánh: QCTĐHN 02:2014/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn Thủ đô Hà Nội. Thông số giám sát: Lưu lượng, pH, BOD₅(20⁰C), COD, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Sunfua (tính theo H₂S), Amoni (tính theo N), Coliform, Clorua, Mangan, Sắt, Asen, Cadimi. Tần suất: 03 tháng/01 lần.

- Giám sát chất thải rắn: Giám sát khối lượng chất thải rắn phát sinh, phải phân loại, phân định các loại chất thải rắn phát sinh để quản lý theo quy định. Tần suất giám sát: 1 lần/ngày.

5.3 Giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành dự án:

- Giám sát môi trường nước thải sinh hoạt: 02 điểm sau khi được xử lý sơ bộ bằng bể phốt của khu văn phòng A1 và khu văn phòng A2 (trước khi xả vào rãnh thu gom nước thải) và 01 điểm trước khi đầu nối về hệ thống thoát nước của khu vực trên đường Đinh Công Tráng (sau hố lắng khử trùng). Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt. Thông số giám sát: Lưu lượng, pH, BOD₅, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Tổng chất rắn hòa tan, Sunfua (tính H₂S), Amoni (tính theo N), Nitrat, Dầu mỡ động thực vật, Tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat, Tổng Coliforms. Tần suất: 03 tháng/01 lần.

- Giám sát nước thải rửa lọc: Giám sát nước thải 01 điểm trước xử lý và 01 điểm sau xử lý của Trạm xử lý nước thải rửa lọc trước khi xả thải vào hệ thống thoát nước của khu vực trên đường Đinh Công Tráng. Quy chuẩn so sánh: QCTĐHN 02:2014/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn Thủ đô Hà Nội. Thông số giám sát: Lưu lượng, pH, BOD₅(20⁰C), COD, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Sunfua (tính theo H₂S), Amoni (tính theo N), Coliform, Clorua, Mangan, Sắt, Asen, Cadimi. Tần suất:

03 tháng/01 lần.

- Giám sát chất thải rắn: Giám sát khối lượng chất thải rắn phát sinh, phải phân loại, phân định các loại chất thải rắn phát sinh để quản lý theo quy định. Tần suất giám sát: 1 lần/ngày.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường.

6.1. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án:

a) Việc thu gom, vận chuyển, xử lý phế thải xây dựng trong quá trình triển khai cải tạo, nâng cấp, bổ sung và vận hành Dự án phải thực hiện theo Chỉ thị 07/CT-UBND ngày 16/5/2017 của UBND thành phố Hà Nội.

b) Bố trí lán trại, khu lưu giữ nguyên vật liệu và thiết bị tại những địa điểm phù hợp để giảm thiểu ảnh hưởng đến môi trường tự nhiên, cuộc sống của dân cư, các hoạt động văn hóa, kinh tế, xã hội của địa phương trong quá trình cải tạo, nâng cấp, bổ sung; thực hiện chương trình giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, bảo vệ an ninh xã hội đối với đội ngũ cán bộ, công nhân tham gia cải tạo, nâng cấp, bổ sung, vận hành Dự án.

c) Quá trình triển khai cải tạo, nâng cấp, bổ sung và vận hành dự án phải thực hiện đúng quy định tại Quyết định số 29/2015/QĐ-UBND ngày 09/10/2015 của UBND thành phố Hà Nội về đảm bảo trật tự, an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình xây dựng các công trình tại thành phố Hà Nội; các biện pháp giảm bụi theo quy định tại Quyết định số 02/2005/QĐ-UB ngày 10/01/2005 của UBND thành phố Hà Nội và Quyết định số 241/2005/QĐ-UB ngày 30/12/2005 của UBND thành phố Hà Nội về việc sửa đổi một số điều quy định về việc thực hiện các biện pháp giảm bụi trong lĩnh vực xây dựng trên địa bàn Thành phố. Bụi và khí thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng dự án phải có các biện pháp giảm thiểu, đảm bảo đạt quy chuẩn QCVN 05:2013/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

d) Tiếng ồn và độ rung trong quá trình triển khai cải tạo, nâng cấp, bổ sung và vận hành Dự án phải có biện pháp giảm thiểu, đảm bảo tuân thủ quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 26:2010/BTNMT về tiếng ồn (khu vực thông thường) và QCVN 27:2010/BTNMT (Bảng 2 – Khu vực thông thường) về độ rung.

đ) Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong quá trình triển khai cải tạo, nâng cấp, bổ sung và vận hành Dự án phải được thu gom và xử lý theo đúng quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Quy định quản lý chất thải rắn thông thường trên địa bàn thành phố Hà Nội ban hành theo Quyết định số 16/2013/QĐ-UBND ngày 03/6/2013 của UBND Thành phố Hà Nội.

e) Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình triển khai cải tạo, nâng cấp, bổ sung và vận hành Dự án phải được phân loại, thu gom, lưu giữ, quản lý và xử lý theo đúng quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

g) Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình triển khai cải tạo, nâng cấp, bổ sung và vận hành Dự án phải được thu gom và xử lý đảm bảo đạt quy

chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt trước khi xả thải ra môi trường.

h) Xây dựng và vận hành Trạm xử lý nước thải tập trung công suất 200m³/ngày đêm của Dự án bảo đảm toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án phải được thu gom và xử lý đạt QCTĐHN 02:2014/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật về nước công nghiệp trên địa bàn Thủ đô trước khi xả thải ra môi trường.

i) Thực hiện trách nhiệm của cơ sở có hệ thống xử lý nước thải và lưu lượng nước thải từ 30m³/ngày.đêm trở lên theo quy định tại Khoản 1 Điều 18 Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, làng nghề và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

k) Thực hiện xin cấp phép xả nước thải vào nguồn nước theo Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước và Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước.

6.2. Các điều kiện kèm theo và trách nhiệm của Chủ dự án:

a) Thực hiện các thủ tục đấu nối hệ thống đường giao thông, hệ thống điện, hệ thống cấp nước, thoát nước của Dự án (trong trường hợp cần thiết) với các hệ thống hiện đang có tại địa phương theo quy định của pháp luật.

b) Phối hợp với các cơ quan chức năng thực hiện các giải pháp kỹ thuật phù hợp nhằm ngăn chặn và giảm thiểu các sự cố ngập lụt, sụt lún phát sinh do việc xây cải tạo, nâng cấp, bổ sung Dự án; lập phương án và thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó các sự cố môi trường khác phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án; tuân thủ các yêu cầu về an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy, nổ trong quá trình thực hiện Dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

c) Thiết lập hệ thống cảnh báo nguy hiểm, cảnh báo giao thông trong khu vực thi công; thực hiện các biện pháp kỹ thuật và tổ chức thi công phù hợp nhằm giảm thiểu tác động tới các hoạt động giao thông của khu vực cũng như đời sống, sinh kế của dân cư xung quanh.

d) Thực hiện, áp dụng triệt để các biện pháp nhằm giảm thiểu những tác động tiêu cực, xử lý các nguồn thải phát sinh có khả năng gây ảnh hưởng đến đời sống nhân dân xung quanh khu vực Dự án trong quá trình triển khai xây dựng cải tạo, nâng cấp, bổ sung và vận hành Dự án.

đ) Thực hiện chương trình giám sát môi trường hàng năm đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường. Kết quả giám sát môi trường định kỳ phải được cập nhật, lưu giữ tại đơn vị; gửi 01 bộ đến Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, UBND quận Hoàn Kiếm để kiểm tra và giám sát.

e) Thực hiện đền bù những thiệt hại môi trường do dự án gây ra theo Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của

Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

g) Đảm bảo nguồn kinh phí đầu tư xây dựng và vận hành các công trình xử lý môi trường đã cam kết trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

h) Thực hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường của Chủ dự án, nhà thầu thi công trong thi công cải tạo, nâng cấp, bổ sung dự án và theo chế độ báo cáo công tác bảo vệ môi trường ngành xây dựng theo quy định tại Thông tư số 02/2018/TT-BXD ngày 06/02/2018 của Bộ Xây dựng.

i) Thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quy định tại Điều 16b Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ được sửa đổi bổ sung tại Khoản 9 và Khoản 10 Điều 1 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ.

k) Trong quá trình thực hiện nếu Dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo cơ quan có thẩm quyền để kiểm tra, giám sát.

l) Thực hiện xử lý nước đạt QCVN 01:2009/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống cho đến hết ngày 30/6/2021 và QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt từ ngày 01/7/2021 để cấp nước cho sinh hoạt, tuân thủ các quy định của pháp luật về cấp nước và pháp luật khác có liên quan đến việc cấp nước sinh hoạt.